

NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC DÂN TỘC TRONG NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC DÂN TỘC

ThS. KIỀU THỊ BÍCH THUY
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Tại sao phải nghiên cứu về chính sách giáo dục dân tộc (GDDT)?

1.1. Chính sách GDDT có vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng dân tộc và cả nước

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã khẳng định: “Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội X về vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc và miền núi, với sự quyết tâm của các ngành ở Trung ương và các ngành, các cấp ở địa phương cùng với sự nỗ lực vươn lên của đồng bào các dân tộc đã tạo ra những chuyển biến đáng kể về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng và giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc ở miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số (DTTS).

Trong lĩnh vực giáo dục, đa số xã vùng cao đã có lớp mẫu giáo; trường phổ thông (tiểu học) đã được xây dựng ở tất cả các xã. Phần lớn các xã và cụm xã có trường trung học cơ sở toàn cấp. 100% huyện có ít nhất 1 trường trung học phổ thông. Trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) đã được xây dựng thành hệ thống với gần 50 trường tỉnh, gần 300 trường huyện được trang bị phương tiện dạy và học khá tốt. Hàng vạn con em đồng bào DTTS đến học ở các trường này được Nhà nước nuôi, dạy hoàn toàn miễn phí, nhằm đào tạo cán bộ là người dân tộc cho nhiều ngành, nhiều lĩnh vực. Ngoài ra, còn có hàng trăm trường bán trú dân lập hoặc trường nội trú dân nuôi tại các xã và cụm xã. Các tỉnh miền núi đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học. Trong tổng số 53 nhóm DTTS, đã có hơn 40 DTTS có con em tốt nghiệp cao đẳng và đại học. Tất cả các DTTS đều có người của dân tộc mình là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Hầu hết cán bộ chủ chốt người DTTS từ cấp huyện trở lên đều có trình độ đại học, cán bộ chủ chốt cấp xã có trình độ cấp phổ thông cơ sở trở lên. Số học sinh ở các tỉnh miền núi, vùng cao dự thi học sinh giỏi các môn ngày càng tăng, hàng năm đã có nhiều học sinh đạt giải cấp tỉnh và cấp quốc gia. Số lượng học sinh người DTTS thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng và các trường chuyên nghiệp ngày càng tăng.

1.2. Vấn đề tồn tại những bất cập giữa khuôn khổ của chính sách, pháp luật và việc thực thi

Mặc dù không thể phủ nhận được vai trò của chính sách GDDT đối với sự phát triển của giáo dục tại vùng

DTTS nói riêng và sự phát triển của kinh tế - xã hội của đất nước nói chung, tuy nhiên giữa chính sách và thực tiễn vẫn tồn tại những khó khăn, bất cập cần phải điều chỉnh.

Chính sách cho giáo dục vùng DTTS, vùng đặc biệt khó khăn hiện đang thực hiện đã bộc lộ nhiều bất cập, một số chính sách chỉ mang tính giải quyết tình thế là chính, chưa đáp ứng yêu cầu hình thành chiến lược lâu dài hướng tới tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao đủ khả năng giải quyết triệt để vấn đề giảm nghèo.

Năm học 2009 - 2010, toàn quốc có 294 trường PTDTNT (tăng 9 trường so với năm học trước) và 1.736 trường bán trú. Có khoảng 70.000 học sinh được hưởng học bổng chính sách. Việc mở thêm cấp trung học PTDTNT cấp huyện và các trường thuộc Trung ương đã tạo thêm cơ hội để nhiều học sinh các DTTS được học cấp trung học phổ thông nhưng lại tạo ra sự chồng chéo trong đào tạo hệ dự bị đại học của các trường thuộc Trung ương. Hệ thống các trường PTDTNT phát triển quy mô không đồng đều. Trong khi có nhiều trường quy mô vượt quy định thì có trường lại chưa đạt. Năm học 2006 - 2007, khoảng 39% số trường PTDTNT cấp tỉnh và 25% trường PTDTNT cấp huyện vượt quy mô tối đa. Nhiều trường có quy mô dưới tối thiểu (như trường PTDTNT tỉnh Hậu Giang: 176 học sinh,...).

Thực hiện Luật Giáo dục, Chính sách ưu tiên cử tuyển học sinh, sinh viên vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp ở một số địa phương thường xuyên không đạt chỉ tiêu, nhất là các DTTS sinh sống ở các vùng đặc biệt khó khăn rất thiếu cán bộ như La Chí, Hà Nhì...

Xuất phát từ những bất cập trên, việc nghiên cứu để tìm ra những thuận lợi, khó khăn trong việc thực thi chính sách, xác định các nguyên nhân dẫn đến sự khó thực thi chính sách từ đó để các nhà quản lý có các định hướng điều chỉnh để chính sách được thực thi tốt hơn, phát huy được vai trò của mình là việc làm cần thiết. Có như vậy những chính sách, chương trình, dự án thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào các dân tộc, với địa bàn dân tộc, miền núi mới hiện hữu trong cuộc sống của đồng bào - nhân tố quyết định củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc với Đảng, với Nhà nước.

1.3. Các nghiên cứu chính sách nói chung và chính sách GDDT nói riêng chưa nhiều

Theo số liệu tổng hợp của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, từ năm 2000 - 2010 trong tổng số đề tài nghiên cứu khoa học cấp Viện, cấp Bộ do Viện triển khai nghiên cứu, có 4 đề tài nghiên cứu về chính sách, chiếm 0,8%, không có đề tài nào nghiên cứu về chính sách GDDT.

Theo số liệu tổng hợp của Trung tâm Nghiên cứu GDDT, từ năm 1986 - 2010 có 36 đề tài cấp Viện, cấp Bộ



được triển khai nghiên cứu, trong đó có 1 đề tài nghiên cứu về chính sách GDDT, chiếm 2%.

2. Những đóng góp của Trung tâm trong nghiên cứu chính sách GDDT những năm gần đây

2.1. Những đóng góp

Trong nhiều năm qua, thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, các công trình nghiên cứu, đề tài của Trung tâm và các tổ chức tiền thân đã trở thành cơ sở khoa học ban hành các văn bản pháp quy. Những văn bản chính cần phải điểm tới là:

- *Nghị định 206-CP ngày 27/11/1961* của Hội đồng Chính phủ ban hành Quy định việc dùng chữ Tày-Nùng, chữ Thái chữ Mèo ở các khu tự trị và ở các địa phương có đồng bào Tày, Nùng, Thái và Mèo;

- *Chỉ thị 20-TTg (3-1969)* của Thủ tướng Chính phủ xác định nhiệm vụ của giáo dục miền núi là góp phần đào tạo cán bộ và từng bước nâng cao trình độ học vấn cho nhân dân.

Trung tâm và các tổ chức tiền thân đã trực tiếp xây dựng hoặc tham gia đóng góp ý kiến vào việc xây dựng các văn bản pháp quy về GDDT. Điểm lại có các văn bản sau:

- *Luật Giáo dục 1998, 2005* (các điều khoản liên quan đến GDDT);

- *Nghị định 35/2001/NĐ-CP ngày 09/07/2001* của Chính phủ về Chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Nghị định này đã làm sáng tỏ chính sách mới đặc thù và quan trọng đối với GDDT;

- *Nghị định 61/2006/NĐ-CP ngày 20/06/2006* của Chính phủ về Chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- *Thông tư liên bộ số 17/TT-LB ngày 27/07/1995* của Bộ Lao động và Thương binh Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn chế độ trả lương dạy thêm giờ và phụ cấp dạy lớp ghép của ngành giáo dục và đào tạo. Trong mục II.3; về phụ cấp lớp ghép: Ở các vùng miền núi, hải đảo, vùng sâu do điều kiện ít học sinh, thiếu giáo viên cần phải ghép lớp thì giáo viên dạy lớp ghép hai chương trình được hưởng thêm 50% lương và phụ cấp dạy trên hai chương trình được hưởng thêm 75% lương và phụ cấp (nếu có) của chính người dạy;

- *Thông tư 01/GDĐT ngày 03/02/1997* của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn việc dạy học tiếng nói và chữ viết DTTS, gồm những nguyên tắc chung, một số việc làm: xây dựng chương trình bộ môn, đào tạo bồi dưỡng giáo viên dạy tiếng dân tộc, xác định mức độ dạy tiếng dân tộc trong các ngành học. Chế độ cấp phát sách miễn phí, quy định ở tiểu học mỗi tuần dạy bốn tiết;

- *Quyết định 661/QĐ* ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT và Thông tư 23, Hướng dẫn thực hiện (ngày 9/06/1985);

- *Quyết định 2590/QĐ* ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT và Thông tư 16 Hướng dẫn thực hiện (ngày 14/08/1997);

- *Quyết định 49/2008/QĐ/BGD&ĐT* ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT (25/08/2008); và Thông tư 06/2009/TT BGD&ĐT sửa đổi điều 10 (Hồ sơ trình tự thủ tục thành lập trường PTDTNT) và điều 13 (Phân cấp quản lý) của Quy chế nói trên (31/03/2009);

Từ năm 2006, Trung tâm đã cùng các Vụ chức năng trong Bộ xây dựng Nghị định Chính phủ về dạy tiếng nói và chữ viết dân tộc để thực hiện Luật Giáo dục (2005). Đến tháng 15/07/2010, Nghị định số 82/2010/NĐ-CP quy định về việc dạy và học tiếng nói, chữ viết DTTS trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên đã được Chính phủ kí ban hành. Có thể nói, văn kiện quan trọng này là kết quả của quá trình nghiên cứu của nhiều thế hệ cán bộ làm công tác GDDT trong mấy thập kỉ qua. Nghị định sẽ là căn cứ pháp lý, định hướng và tạo điều kiện cho việc triển khai dạy tiếng dân tộc trong nhiều năm tới.

Ngoài ra, một số tài liệu và kết quả nghiên cứu có liên quan đến chính sách GDDT như:

- Tài liệu: *Một số văn bản Nhà nước về GDDT và miền núi* (Trung tâm Nghiên cứu GDDT hợp tác với Hội đồng Anh biên soạn năm 2001). Tài liệu đã tổng kết, hệ thống hóa tất cả văn bản của Đảng, Nhà nước và các Bộ, ngành ban hành có liên quan đến giáo dục vùng DTTS và miền núi từ năm 1945 – 2001;

- Đề tài: *"Nghiên cứu thực trạng tuyển sinh vào đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp theo chế độ cử tuyển trong việc đào tạo cán bộ cho vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và những khuyến nghị"* (Chủ nhiệm Đào Nam Sơn, Nghiên cứu khoa học cấp Bộ, năm 2006). Đề tài đã phân tích thực trạng của chính sách cử tuyển và đề xuất giải pháp đổi mới công tác tuyển sinh theo chế độ cử tuyển;

Gần đây, Trung tâm đang thực hiện nghiên cứu *"Xây dựng chính sách phát triển bền vững chương trình học bổng cho học sinh các trường PTDTNT và sinh viên sư phạm người DTTS"*. Nghiên cứu này đã thực hiện hết sức khoa học, bài bản, bao gồm các hoạt động như:

- Khảo sát tình hình sinh viên sư phạm người DTTS và học sinh trường PTDTNT, đồng thời khảo sát tác động của các chính sách chế độ học bổng đối với hai đối tượng trên trong các trường đại học, dự bị đại học và PTDTNT (cấp trung học phổ thông);

- Nghiên cứu bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội, chiến lược phát triển giáo dục và phương hướng phát triển GDDT ở Việt Nam giai đoạn 2009 – 2020;

- Phân tích các chính sách liên quan đến chế độ, học bổng cho sinh viên, học sinh DTTS;

- Tìm hiểu kinh nghiệm của quốc tế và các nước trong khu vực về chính sách, chế độ học bổng cho sinh viên sư phạm người DTTS và học sinh DTTS.

Trên cơ sở kết quả của bốn hoạt động trên, hoạt động thứ năm là thực hiện việc xây dựng văn bản chính sách bền vững chương trình học bổng cho sinh viên sư phạm người DTTS và học sinh trường PTDTNT. Nghiên cứu này đã nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của địa

(Xem tiếp trang 64)